BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRUNG TÂM
TIN HỌC VÀ THỐNG KÊ
Số: /TH-BC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2011

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THÁNG 5 VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2011 CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. TÌNH HÌNH CHUNG

Về Trồng trọt, lúa đông xuân ở các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) mới bắt đầu trỗ khoảng trên 10% diện tích gieo cấy, phần lớn diện tích sẽ trỗ trong giai đoạn cuối tháng 5 và đầu tháng 6. Do ảnh hưởng của thời tiết nên vụ đông xuân năm nay dự kiến sẽ thu hoạch muộn hơn so với mọi năm từ 15 - 20 ngày. Các vùng miền Nam đã cơ bản thu hoạch xong lúa đông xuân, trừ Tây Nguyên mới thu hoạch đạt hơn 80% diện tích xuống giống. Tính đến ngày 15/5/2011, các tỉnh miền Nam đã xuống giống lúa hè thu đạt 1.251,7 ngàn ha, bằng 99,5% so với cùng kì năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đạt 1.150 ngàn ha, tăng 3% so với cùng kì năm trước.

Về Chăn nuôi, số lượng trâu và bò giảm, chủ yếu do ảnh hưởng của thiên tai và dịch bệnh. Số lượng lợn cũng giảm, nguyên nhân chính có thể là do giá thức ăn chăn nuôi (TĂCN) tăng. Giá TĂCN tăng làm giá bán thịt lợn cũng tăng và người tiêu dùng đang có xu hướng chuyển sang các sản phẩm thay thế khác. Kết quả là người chăn nuôi không dám mạnh dạn đầu tư để tăng qui mô đàn lợn. Ngược lại, số lượng gia cầm tăng nhẹ do dịch cúm gia cầm đã được khống chế và giá cả các loại thịt khác tăng mạnh.

Về Lâm nghiệp, do thiếu vốn đầu tư của trung ương nên tiến độ trồng rừng mới tập trung chậm. Tính đến ngày 20/5, diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 26,8 nghìn ha, chỉ bằng 54,4% so với cùng kỳ năm trước. Nguy cơ cháy rừng ở Bắc bộ và Trung bộ giảm so với những tháng đầu năm do mưa nhiều hơn. Khu vực Tây Nguyên và Nam bộ vẫn còn đang khô hạn và nắng nóng, một số tỉnh còn nguy cơ cháy rừng cao. Theo cảnh báo của Cục Kiểm Lâm đến ngày 19/5 một số khu vực thuộc 4 tỉnh là Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và Ninh Thuận có nguy cơ xảy ra cháy rừng ở cấp nguy hiểm (cấp IV).

Về Thủy sản, tổng sản lượng thủy sản tháng 5 năm 2011 ước đạt 495,3 nghìn tấn, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm 2010. Tổng sản lượng thủy sản 5 tháng đầu năm 2011 ước đạt 1990,4 ngàn tấn, tăng 3,3% so với cùng kỳ. Thời tiết thuận lợi cho khai thác là một trong những yếu tố chính dẫn đến tăng trưởng của ngành thủy sản trong tháng.

Về Diêm nghiệp, diện tích sản xuất muối của cả nước ước đạt 14.854 ha, giảm nhẹ (khoảng 2%) so với cùng kỳ năm 2010. Nguyên nhân chính có thể là do thời tiết từ đầu năm đến nay không thuận lợi cho sản xuất muối ở các tỉnh phía Bắc và ĐBSCL.

Kết quả một số chỉ tiêu chính như sau:

Một số chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 15/5/10	Thực hiện 15/5/11	% so với C.kỳ 2010
1. Diện tích gieo cấy lúa hè thu MN	1000 ha	**1.257,8**	**1.251,7**	**99,5**
Trong đó: - Đồng bằng sông Cửu Long	"	1.117,2	1.150,8	103
2. Thu hoạch lúa đông xuân MN				
- Diện tích thu hoạch	"	**1.913,7**	**1.973,3**	**103,1**
Trong đó: ĐBSCL	"	1.558,8	1.615,8	103,7
- Năng suất ước trên DT thu hoạch	tạ/ha		63,36	
- Sản lượng ước tính trên DT thu hoạch	ngàn tấn		12,5	
3. Gieo trồng hoa màu, CCN ngắn ngày (*)				
3.1. Gieo trồng màu lương thực	ngàn ha	**1.071,9**	**1.066,6**	**99,5**
Trong đó: - Ngô	"	706,5	675,7	95,6
- Khoai lang	"	102,3	98,3	96,1
- Sắn	"	238,1	273	114,7
3.2. Gieo trồng cây công nghiệp	"	**479,3**	**497,5**	**103,8**
Trong đó: - Đậu tương	"	141,0	116,9	82,9
- Lạc	"	177,8	179,3	100,8
- Mía	"	113,0	152,8	135,2
- Thuốc lá	"	22,5	19,1	85,0
4. Gieo trồng rau, đậu các loại	"	**508,8**	**501,9**	**98,6**
5. Diện tích trồng rừng tập trung	**"**	49,2	26,8	*54,4*
6. Sản lượng thủy sản	ngàn tấn	**1927**	**1990,4**	**103,3**
Trong đó: - Sản lượng khai thác	"	1016	1029,8	101,4
- Sản lượng nuôi trồng	"	911	960,6	105,4
7. Tổng kim ngạch xuất khẩu	triệu USD	**7.099**	**10.044**	**141,5**
Trong đó: - Nông sản chính	"	3.804	6.052	159,1
- Thủy sản	"	1.626	2.071	127,3
- Lâm sản chính	"	1.334	1.588	119,1

Xuất khẩu, giá trị xuất khẩu nông, lâm và thủy sản tháng 5 ước đạt 2,1 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 5 tháng đầu năm lên trên 10 tỷ USD, tăng 41,5% so với cùng kỳ năm 2010. Trong đó, các mặt hàng nông sản chính đạt 6,1 tỷ USD, gấp 1,5 lần cùng kỳ năm 2010; thuỷ sản đạt 2,1 tỉ USD, tăng 27,3%; lâm sản đạt 1,6 tỉ USD, tăng 19,1%. Nguyên nhân chính là do giá xuất khẩu của nhiều mặt hàng chính tăng mạnh như cà phê, cao su, điều và tiêu.

Nhập khẩu, tổng giá trị nhập khẩu của các mặt hàng nông, lâm, thuỷ sản và vật tư, nguyên liệu phục vụ nông, lâm và thuỷ sản tháng 5 ước đạt 1,2 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu nhóm hàng này lên gần 6 tỷ USD, tăng so với

cùng kỳ năm 2010 là 9,9%. Nguồn nhập khẩu các loại vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) chủ yếu từ Trung Quốc thường chiếm từ 30 – 40% giá trị nhập khẩu.

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, lượng vốn thực hiện đến hết tháng 5/2011 ước đạt 3.285,7 tỷ đồng, bằng 45,81% kế hoạch vốn được giao. Trong đó, vốn ngân sách tập trung thực hiện ước đạt 1.710,7 tỷ đồng, bằng 46,58% kế hoạch; vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện ước đạt 1.575 tỷ đồng, bằng 45% kế hoạch.

2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT NGÀNH

2.1. Trồng trọt, bảo vệ thực vật

2.1.1. Tình hình trồng trọt

***Miền Bắc**:* Tính đến ngày 15/5/2011, lúa đông xuân ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSH mới bắt đầu trỗ khoảng trên 10% diện tích gieo cấy, phần lớn diện tích sẽ trỗ trong giai đoạn cuối tháng 5 và đầu tháng 6. Do rét đậm, rét hại kéo dài trong thời gian qua đã ảnh hưởng đến thời vụ gieo trồng cũng như thời gian sinh trưởng, phát triển của lúa, nên vụ đông xuân năm nay dự kiến sẽ thu hoạch muộn hơn so với mọi năm từ 15 - 20 ngày.

Nhờ làm tốt công tác chăm sóc và bảo vệ lúa cộng với thời tiết khá thuận lợi trong giai đoạn lúa sinh trưởng, phát triển; sâu bệnh tuy có phát sinh nhưng trên diện hẹp và được phòng, chống kịp thời nên mức độ gây hại nhẹ, nhiều địa phương báo cáo lúa đông xuân năm nay tốt, độ đồng đều tương đối cao, tuy năng suất khó bằng năm trước nhưng triển vọng vẫn là vụ được mùa.

***Miền Nam**:* Các vùng đều đã cơ bản thu hoạch xong lúa đông xuân, trừ Tây Nguyên mới thu hoạch đạt hơn 80% diện tích xuống giống. So với cùng kỳ này năm trước tiến độ thu hoạch lúa đông xuân của các vùng đều nhanh hơn, trừ Duyên hải miền Trung, cụ thể: Vùng Đông Nam bộ nhanh hơn 6,7%, Tây Nguyên 5,9% và ĐBSCL 3,7%. Thời gian này các địa phương đang tích cực làm đất, xuống giống lúa hè thu và gieo trồng rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu.

Theo báo cáo sơ bộ của các Sở Nông nghiệp và PTNT, lúa đông xuân trên diện tích đã thu hoạch toàn miền Nam đạt năng suất bình quân 63,4 tạ/ha, sản lượng thu hoạch đạt hơn 12,5 triệu tấn, cao hơn sản lượng vụ trước khoảng 130 ngàn tấn; riêng vùng ĐBSCL năng suất bình quân đạt 65,6 tạ/ha, sản lượng đạt gần 10,6 triệu tấn, tăng hơn vụ trước khoảng 330 ngàn tấn. Một số địa phương năng suất lúa đông xuân đạt cao như: An Giang 74 tạ/ha, Cần Thơ 71,5 tạ/ha, Đồng Tháp 70,6 tạ/ha và Kiên Giang 68,4 tạ/ha. Địa phương có sản lượng lúa đông xuân đạt cao nhất là Kiên Giang với xấp xỉ 2 triệu tấn, tiếp đến là An Giang 1,75 triệu tấn và Long An gần 1,5 triệu tấn. Nguyên nhân chính để đạt được kết quả trên là do lúa đông xuân vụ này tiếp tục được giá đã khuyến khích nông dân mở rộng diện tích; các giống lúa sử dụng đạt các yêu cầu ngày càng cao hơn về năng suất, theo chất lượng và sức đề kháng sâu bệnh; thời tiết trong vụ tương đối thuận lợi tạo điều kiện bố trí mùa vụ hợp lý; tiếp tục sử dụng những biện pháp phòng, tránh sâu, rầy có hiệu quả và hướng quá trình đầu tư thâm canh lúa theo chiều sâu.

Tính đến ngày 15/5/2011, các tỉnh miền Nam đã xuống giống lúa hè thu đạt 1.251,7 ngàn ha, bằng 99,5% so với cùng kì năm trước, trong đó vùng ĐBSCL đạt 1.150 ngàn ha, tăng 3%. Các địa phương ở vùng ĐBSCL có tiến độ xuống giống lúa hè thu nhanh so với cùng kì năm trước gồm: Bạc Liêu nhanh hơn 3 lần, Kiên Giang 16,1%, Long An 7,7% và Hậu Giang 2,4%. Nguyên nhân chính do các địa phương này thu hoạch nhanh gọn lúa đông xuân và biết tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi trên địa bàn để xuống giống tập trung.

Ngoài lúa, trong tháng các địa phương trong cả nước đã tích cực triển khai trồng cây công nghiệp hàng năm vụ hè thu đạt kết quả khá hơn so với cùng kỳ năm trước, đang chú ý có cây mía và lạc diện tích tăng khá. Tổng diện tích gieo trồng các cây màu lương thực đạt xấp xỉ so với cùng kỳ, riêng diện tích sắn tiếp tục tăng nhanh (15% so với cùng kì). Tổng diện tích rau đậu các loại gieo trồng đạt 502 ngàn ha, bằng 98,6% so với cùng kỳ năm trước.

2.1.2. Tình hình sâu bệnh

Các tỉnh phía Bắc: Trong tháng lúa đông xuân ở các tỉnh miền Bắc chủ yếu ở giai đoạn đứng cái, làm đòng, một số ít diện tích đã trỗ bông, với đặc điểm thời gian lúa sinh trưởng muộn hơn so với các vụ trước. Sâu bệnh trong tháng có phát sinh nhưng trên diện hẹp, mức độ gây hại nhẹ, phần lớn diện tích nhiễm đều đã được các địa phương tích cực phun thuốc, xử lý cứu chữa kịp thời. Có một số loại sâu bệnh phát sinh gây hại chủ yếu, như sau:

- ***Bệnh lùn sọc đen:*** Xuất hiện và gây hại tại một số tỉnh như Ninh Bình, Lào Cai, Hải Phòng, Hòa Bình; Thái Bình, Hưng Yên, Bắc Ninh, Nam Định, Hà Nam, Quảng Ninh, Bắc Kạn, Lai Châu, Quảng Trị, Huế, Hà Tĩnh, Thanh Hóa và Nghệ An. Tổng diện tích nhiễm tới trên 1.550 ha, một số địa bàn có diện tích nhiễm và tỷ lệ cây bệnh cao trên 10% gồm: Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Hà Nam và Lai Châu. Cần lưu ý là diện tích lúa bị nhiễm bệnh đang có xu hướng tăng và diện tích đã xác định bị nhiễm bệnh cần xử lý còn nhiều so với diện tích nhiễm.

- ***Bệnh khô vằn:*** Tổng diện tích nhiễm 73.310 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 1.440 ha, tập trung chủ yếu tại các tỉnh Nam Định, Hải Phòng, Hà Nam, Hưng Yên, Phú Thọ, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Quảng Ninh, Điện Biên, Yên Bái, Bắc Giang, Hà Nội, Hoà Bình, Tuyên Quang và ở hầu hết các tỉnh Bắc Trung bộ. Diện tích nhiễm ở các tỉnh Bắc bộ đang có xu hướng tăng, trong khi tại các tỉnh Bắc Trung bộ diện tích nhiễm giảm 24.500 ha so với cùng kỳ năm trước.

- ***Sâu cuốn lá nhỏ:*** Tổng diện tích nhiễm trên 15 ngàn ha, trong đó diện tích nhiễm nặng chỉ dưới 100 ha, tỷ lệ bệnh phổ biến từ 10-15 con/m^2 phần lớn diện tích nhiễm đã được phòng trừ kịp thời. So với cùng kì năm trước diện tích nhiễm bệnh giảm nhiều.

Ngoài ra còn có gần 13 ngàn ha bị bệnh đạo ôn lá; nhiễm rầy nâu - rầy lưng trắng gần 3 ngàn ha; nhiễm bệnh bạc lá, vàng lá gần 4.000 ha; nhiễm ốc bươu vàng và bị chuột gây hại hơn 10 ngàn ha.

Các tỉnh phía Nam: Trong tháng 5/2011, lúa hè thu 2011 trên các địa bàn chủ yếu ở giai đoạn mạ - đẻ nhánh, các đối tượng sâu bệnh xuất hiện và gây hại phổ biến là rầy nâu; bệnh đạo ôn, sâu cuốn lá nhỏ, ốc bươu vàng, bệnh

vàng lùn và lùn xoắn lá,… Đáng chú ý có bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá phát sinh và tăng mạnh so với cùng kì năm trước. Cụ thể một số sâu, bệnh chính gây hại trên lúa, như sau:

- **Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá:** Tổng diện tích lúa bị nhiễm bệnh khoảng 6.500 ha, tuy với phạm vi hẹp nhưng tăng gấp hơn 10 lần so với cùng kì năm trước. Bệnh xuất hiện tập trung nhiều ở các tỉnh Đồng Tháp, Kiên Giang, An Giang, Tiền Giang và Long An. Phần lớn diện tích nhiễm bệnh đang ở mức độ nhẹ, chỉ có 27 ha bị nhiễm nặng với tỷ lệ cây bệnh từ 20-50%, đang chú ý là diện tích nhiễm bệnh đang có xu hướng tăng.

- **Rầy nâu và rầy lưng trắng**: Đã có trên 22 ngàn ha bị nhiễm rầy nâu, tăng 3,5 ngàn ha so với cùng kì năm trước, mật độ phổ biến từ 1.000–2.000 con/m^2, nơi cao từ 3.000-7.000 con/m^2. Các tỉnh có rầy nâu xuất hiện phổ biến trong tháng, gồm: Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Lâm Đồng, Kiên Giang, Vĩnh Long,... Còn rầy lưng trắng xuất hiện chủ yếu tại các tỉnh miền Trung, với diện tích nhiễm khoảng 2,6 ngàn ha, tập trung chủ yếu tại các tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Khánh Hoà và Đắk Lắk.

- **Bệnh đạo ôn lá**: Diện tích nhiễm trên 17,5 ngàn ha, tăng hơn 1,5 ngàn ha so với cùng kì năm trước, tỷ lệ bệnh phổ biến 5 -10%, nơi cao có tỷ lệ nhiễm bệnh trên 20% số dảnh. Một số tỉnh đã phát hiện bệnh xuất hiện nhiều như Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Gia Lai và Đắk Lắk.

- Bệnh đạo ôn cổ bông: Diện tích nhiễm 3.900 ha, giảm nhẹ so với cùng kì năm trước, tỷ lệ bệnh phổ biến từ 5-10% số bông; bệnh tập trung nhiều tại các tỉnh: Bạc Liêu, Tiền Giang, Vĩnh Long, Lâm Đồng, Hậu Giang, Quảng Ngãi, Khánh Hòa và Gia Lai.

- **Sâu cuốn lá nhỏ**: Toàn vùng có trên 12 ngàn ha nhiễm sâu cuốn lá nhỏ, giảm gần 6 ngàn ha so với cùng kì năm trước, mật độ sâu phổ biến từ 10-20 con/m^2. Các tỉnh có sâu cuốn lá nhỏ xuất hiện nhiều gồm Long An, Vĩnh Long, Kiên Giang, An Giang, Tiền Giang và Đồng Tháp.

Ngoài ra, trên lúa còn có bệnh lem lép hạt, đốm vằn, bạc lá, nghẹt rễ, sâu đục thân, bọ trĩ, đốm nâu; chuột, ốc bươu vàng... xuất hiện gây hại ở mức độ nhẹ, riêng ốc bươu vàng có diện tích nhiễm tương đối cao với trên 25 ngàn ha lúa đang bị nhiễm.

2.2. Chăn nuôi

2.2.1. Tình hình sản xuất chăn nuôi

- Chăn nuôi trâu, bò: nhìn chung số lượng đàn trâu, bò trên cả nước có xu hướng giảm nhưng đang dần đi vào ổn định, khôi phục lại sau thiên tai và dịch bệnh. Đàn bò sữa không có biến động lớn do giá sữa ổn định, người chăn nuôi có lãi nên đầu tư nhiều hơn. Trong khi đó, đàn trâu, đàn bò thịt và cày kéo giảm do chịu ảnh hưởng lớn bởi thiên tai, dịch bệnh kết hợp với diện tích chăn thả ngày càng bị thu hẹp; trong quá trình cơ giới hoá, máy cày đã dần thay thế sức kéo trâu, bò trong khâu làm đất

- Chăn nuôi lợn: đàn lợn có xu hướng giảm và chịu ảnh hưởng lớn bởi giá TĂCN tăng. Giá TĂCN tăng kéo theo giá bán thịt lợn cũng tăng làm cho giá cả thị trường thực phẩm thịt lợn bị tác động mạnh. Nếu so với dịp Tết

Nguyên đán thì hiện nay giá thịt lợn ngon đã tăng khoảng trên dưới 20% với mức tăng tương ứng khoảng từ 15.000 đến hơn 20.000 đồng/kg. Giá thịt lợn tăng cao, người tiêu dùng sẽ quay sang mua các loại thực phẩm khác, dẫn đến người nuôi lợn không giám mạnh dạn đầu tư mở rộng quy mô đàn lợn.

- Chăn nuôi gia cầm: không giống như chăn nuôi trâu, bò và lợn, chăn nuôi gia cầm đang có chiều hướng tăng nhẹ do dịch cúm gia cầm đã được khống chế, hơn nữa do đặc điểm của đàn gia cầm có thời gian nuôi ngắn đã cho sản phẩm xuất chuồng nên việc khôi phục và phát triển đàn có thuận lợi hơn, giá bán cũng được cải thiện, người chăn nuôi hạch toán thấy có lãi... kết hợp với sự thiếu hụt nguồn cung thực phẩm tươi sống bởi đàn trâu, bò, lợn giảm và giá thịt tăng cao cho nên nhiều trang trại và các hộ chăn nuôi gia đình đã mở rộng quy mô và tập trung phát triển chăn nuôi dẫn đến đàn gia cầm có xu hướng tăng trong thời gian gần đây.

+ Giá một số sản phẩm thịt:

Tại nhiều chợ ở hầu hết quận, huyện tại Tp. Hồ Chí Minh thịt gà ta (nuôi công nghiệp) giá khoảng 105.000 - 115.000 đồng/kg, gà thả vườn 73.000 - 80.000 đồng/kg, gà công nghiệp 53.000 - 60.000 đồng/kg. Thịt lợn ba chỉ 92.000 đồng/kg, thịt nạc vai 95.000 đồng/kg và thịt thăn 104.000 đồng mỗi kg. Thịt bò là 176.000 đồng/kg

Tại chợ đầu mối Long Biên - Hà Nội, thịt thăn được bán với giá 106.000 đồng/kg. Thịt ba chỉ lên đến 91.000 đồng/kg. Giá thịt bò thăn dao động từ 160.000-165.000đ/kg.

+ Giá TĂCN:

So với tháng 4, trong tháng 5 giá một số nguyên liệu TĂCN tăng: Lyzin 55.750đ/kg (tăng 15,8%), Methionin 115.500đ/kg (tăng 11,5%). Giá một số nguyên liệu giảm: ngô 8.467đ/kg (giảm 7,7%), cám gạo 6.615đ/kg (giảm 3,1%), bột cá 22.890đ/kg (giảm 5,2%). Giá thành phẩm tăng nhẹ: cám gà Broiler 10.405đ/kg (tăng 2,3%), cám lợn thịt giai đoạn từ 60kg đến xuất chuồng 9.198đ/kg (tăng 2,2%).

2.2.2. Tình hình dịch bệnh

Theo Cục Thú y, tính đến ngày 21/5, không có ổ dịch mới phát sinh trong ngày. Cả nước chỉ còn 2 tỉnh là Quảng Ninh và Đắk Lắk có ổ dịch lở mồm long móng (LMLM) chưa qua 21 ngày. Có 6 tỉnh có ổ dịch tai xanh trên lợn chưa qua 21 ngày, bao gồm: Nghệ An, Quảng Trị (19 ngày), Hà Tĩnh (18 ngày), Thái Bình, Bắc Ninh và Hải Dương. Về tình hình dịch cúm gia cầm, cả nước có 2 tỉnh là Lạng Sơn và Vĩnh Long có ổ dịch chưa qua 21 ngày.

2.3. Lâm nghiệp

2.3.1. Thực hiện công tác lâm sinh

Trong tháng 5 thời tiết bắt đầu có mưa trên diện rộng tại miền Bắc nên khá thuận lợi cho công việc trồng rừng. Tuy nhiên, do nguồn vốn trung ương giải ngân trồng rừng, đặc biệt là trồng rừng phòng hộ, đặc dụng thiếu đã làm

chậm tiến độ trồng rừng. Tính đến 20/5/2011 kết quả thực hiện một số chỉ tiêu lâm nghiệp như sau:

- Diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 26,8 nghìn ha, đạt 54,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, trồng mới rừng phòng hộ, đặc dụng đạt 1,3 nghìn ha, bằng 22% so với cùng kỳ năm trước; Trồng mới rừng sản xuất đạt 25,4 nghìn ha, bằng 58,8% so với cùng kỳ năm trước.
- Diện tích rừng trồng được chăm sóc đạt 199,7 nghìn ha, tăng 50,9% so với cùng kỳ năm trước.
- Trồng cây phân tán đạt 90,7 triệu cây, tăng 1,5 % so với cùng kỳ năm trước.
- Diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh đạt 609,9 nghìn ha, tăng 0,1 % so với cùng kỳ năm trước.
- Diện tích rừng được khoán bảo vệ đạt 1.760 nghìn ha, tăng 1,6 % so với cùng kỳ năm trước.
- Sản lượng gỗ khai thác đạt 1.656,5 nghìn m^3, tăng 11,9 % so với cùng kỳ năm trước.

Các tỉnh miền Bắc: Tiếp tục tiến hành thiết kế, lập hồ sơ trồng rừng, xử lý thực bì, làm đất, sản xuất và chăm sóc cây giống để phục vụ nhu cầu trồng rừng vụ xuân hè 2011. Đến 20/5/2011 các địa phương miền Bắc đã trồng được 26.765 ha rừng trong đó trồng nhiều nhất là khu vực Trung du và miền núi phía Bắc (17.849 ha), Bắc trung bộ (5.677) ha và ĐBSH (3.239 ha). Những tỉnh có diện tích trồng rừng khá gồm Yên Bái (6.238 ha), Hoà Bình (3.932 ha), Quảng Ninh (3.239 ha), Nghệ An (3.107 ha) và Phú Thọ (3.134 ha). Ngoài ra, các địa phương tiếp tục tiến hành chăm sóc rừng trồng theo kế hoạch, khoán khoanh nuôi tái sinh và giao khoán bảo về rừng tới các tổ chức, cá nhân.

Các tỉnh miền Nam: Do đang là mùa khô nên các tỉnh miền Nam chưa tiến hành trồng rừng. Trong kỳ, các địa phương bắt đầu triển khai Tết trồng cây nhân ngày sinh nhật Bác (19/5), bên cạnh đó các tỉnh này tiếp tục tiến hành lập hồ sơ thiết kế, chuẩn bị hiện trường cho kế hoạch trồng rừng năm 2011, tiếp tục chăm sóc cây giống cho kế hoạch trồng cây phân tán năm 2011.

2.3.2. Tình hình cháy rừng và chặt phá rừng

Diện tích rừng bị thiệt hại khoảng 240,7 ha. Trong đó, diện tích rừng bị chặt phá là 92,1 ha và diện tích rừng bị cháy là 148,1 ha. Hiện nay, các địa phương thuộc Bắc bộ và Trung bộ đã có mưa nên nguy cơ cháy rừng đã giảm so với những tháng đầu năm. Khu vực Tây Nguyên và Nam bộ vẫn còn đang khô hạn và nắng nóng, một số tỉnh còn nguy cơ cháy rừng cao. Theo cảnh báo của Cục Kiểm Lâm đến ngày 19/5 còn 4 tỉnh là Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận có những khu vực nguy cơ xảy ra cháy rừng ở cấp IV – cấp nguy hiểm.

2.4. Nghề muối

Diện tích sản xuất muối của cả nước ước đạt 14.854 ha, bằng 98,3% so với cùng kỳ năm 2010. Trong đó, diện tích muối thủ công đạt 11.881 ha; diện tích muối công nghiệp đạt 2.974 ha. Thời tiết từ đầu năm đến nay không thuận lợi cho sản xuất muối, các tỉnh phía Bắc và ĐBSCL vào vụ sản xuất chậm gần

2 tháng và xuất hiện mưa trái vụ nên sản lượng muối thấp, tính đến 18/5/2011 sản lượng muối ước đạt 414.548 tấn, chỉ bằng 56,3% so với cùng kỳ năm 2010. Trong đó, muối sản xuất thủ công đạt 319.512 tấn; muối sản xuất công nghiệp đạt 75.870 tấn.

Do muối còn tồn dư từ năm 2010 nên hiện tại lượng muối tồn trong diêm dân và một số doanh nghiệp sản xuất khoảng 234.767 tấn, bằng 51% so với cùng kỳ năm 2010. Trong đó, lượng tồn dư ở miền Bắc là 15.044 tấn, ở miền Trung là 42.534 tấn và ở ĐBSCL là 177.189 tấn.

Về giá muối: Do sản lượng muối những tháng đầu năm thấp nên giá muối trên cả nước có xu hướng tăng so với năm 2010, góp phần giảm bớt những khó khăn trong sản xuất và đời sống của diêm dân, nhất là khu vực sản xuất của diêm dân phía Bắc và ĐBSCL, cụ thể:

+ Miền Bắc: 800 - 1.500 đ/kg
+ Miền Trung: Muối sản xuất thủ công: 450 - 700 đ/kg,
Muối sản xuất công nghiệp: 650 - 800 đ/kg;
+ ĐBSCL: Muối đen và vàng: 650 - 800 đ/kg,
Muối trắng: 800 - 1.200 đ/kg.

Dự báo thời gian tới giá muối tiếp tục giữ giá tại các tỉnh miền Bắc, miền Trung và tăng nhẹ tại các tỉnh ĐBSCL.

2.5. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản tháng 5 năm 2011 ước đạt 495,3 nghìn tấn, tăng 4,4% so với tháng 5 năm 2010. Tổng sản lượng thủy sản 5 tháng đầu năm 2011 ước đạt 1990,4 ngàn tấn, tăng 3,3% so với cùng kỳ.

2.5.1. Khai thác thủy sản

Theo báo cáo của các địa phương, thời tiết trong tháng thuận lợi cho nghề khai thác, nhiều tầu thuyền đã ra khơi đánh bắt nên sản lượng khai thác thủy sản đạt khá như Quảng Ninh (20.050 tấn), Nghệ An (29.966 tấn), Hà Tĩnh (7.980 tấn), Quảng Trị (4.800 tấn), Đà Nẵng (17.200 tấn), Bình Định (53.500 tấn, trong đó có 2.600 tấn cá Ngừ đại dương), Phú Yên (23.100 tấn, trong đó có 4.500 tấn cá ngừ đại dương với giá cá ngừ giao động 125.000đ - 135.000đ/kg), Bình Thuận (53.611 tấn), Bạc Liêu (35.663 tấn), Tiền Giang (33.593 tấn) và Sóc Trăng (14.474 tấn).

Ước sản lượng khai thác thuỷ sản 5 tháng đầu năm 2011 đạt 1.029,8 ngàn tấn, tăng 1,4 % so với cùng kỳ năm 2010. Trong đó sản lượng khai thác biển ước đạt 959.2 ngàn tấn.[1]

2.5.2. Nuôi trồng thuỷ sản

Ước sản lượng nuôi trồng thuỷ sản 5 tháng đầu năm 2011 đạt 960,6 ngàn tấn, tăng 5,4% so với cùng kỳ, trong đó tháng 5 năm 2011 ước đạt 277,7 ngàn tấn.

Diện tích tôm bị bệnh xảy ra ở một số tỉnh. Tại Bình Định, diện tích bệnh tôm đến nay là 116,30 ha (chiếm 5,8% diện tích nuôi). Trong đó, diện tích bệnh

[1] Số liệu ngành thủy sản trong Báo cáo này được tổng hợp từ số liệu của các sở NN&PTNT gửi Trung tâm Tin học và Thống kê.

đốm trắng là 42,29 ha và diện tích bệnh do môi trường là 74,01 ha. Diện tích tôm nuôi bị thiệt hại là 7.537 ha tại Bạc Liêu. Tại tỉnh Cà Mau, diện tích xảy ra bệnh đốm trắng là 2.163 ha; diện tích chịu ảnh hưởng của các loại bệnh khác là 59,78 ha. Sóc Trăng có diện tích tôm bị thiệt hại nhiều nhất trong các tỉnh ĐBSCL, khoảng 20.000 ha.

Hiện nay, các địa phương có nhiều diện tích tôm bị nhiễm bệnh đã khiến cho giá tôm nguyên liệu thu mua các tỉnh ĐBSCL tăng, ví dụ như tôm sú loại 20 con/kg có giá khoảng 265.000 đ/kg (tăng 5.000đ/kg), loại 30 con/kg có giá 195.000 đ/kg (tăng 5.000đ/kg), loại 40 con/kg có giá 170.000 đ/kg (tăng 15.000đ/kg), tôm chân trắng loại 100 con/kg có giá 87.000 đ/kg (tăng 3.000đ/kg).

Theo báo cáo của các địa phương các tỉnh ĐBSCL, tỉnh Vĩnh Long có 303 hộ nuôi cá tra thâm canh với tổng diện tích nuôi là 420 ha, giá cá tra nguyên liệu đang ở mức 27.500-28.800 đ/kg, cao nhất từ trước đến nay. Với mức giá này người nuôi cá tra có được lợi nhuận trên 4 – 5.000 đồng/kg (giá thành cá nguyên liệu từ 22.000-24.000 đ/kg). Hiện nay, giá thức ăn, thuốc thú y, thủy sản tăng cao, chất lượng khó kiểm soát làm tăng chi phí sản xuất, nhất là đối với người nuôi cá tra, tuy có lợi nhuận nhưng rất bấp bênh, độ rủi ro cao, nên đến nay người sản xuất chưa mạnh dạn tăng diện tích nuôi.

3. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA KHỐI DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp mía đường

Tình hình tiêu thụ và cân đối cung, cầu

Tính đến ngày 15/5/2011, đã có 30/38 nhà máy dừng sản xuất; 8 nhà máy còn lại sẽ kết thúc vụ vào cuối tháng 5 năm 2011. Các nhà máy đã ép được 12 triệu tấn mía, sản xuất được 1.108.000 tấn đường, sản lượng đường cao hơn cùng kỳ năm trước 219.000 tấn. Dự kiến kết thúc vụ các nhà máy sẽ ép được 12,3 triệu tấn mía, sản xuất được 1.135.000 tấn đường.

Lượng đường các nhà máy bán ra từ 15/4/11 đến 15/5/11 là 126.300 tấn, cao hơn cùng kỳ năm trước 66.300 tấn. Lượng đường tồn tại kho các nhà máy đến ngày 15/5/11 là 479.100 tấn, cao hơn cùng kỳ năm trước 143.100 tấn.

Giá cả, thị trường

Giá mua mía 10 CCS tại ruộng Khu vực miền miền Trung và Tây Nguyên vẫn ổn định ở mức 950.000 - 1.000.000 đ/tấn như tháng trước.

4. XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN, PHÂN BÓN

4.1. Xuất khẩu nông, lâm và thủy sản

Giá trị xuất khẩu nông, lâm và thủy sản tháng 5 ước đạt 2,1 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 5 tháng đầu năm lên trên 10 tỷ USD, tăng 41,5% so với cùng kỳ năm 2010. Trong đó, các mặt hàng nông sản chính đạt 6,1 tỷ USD, gấp 1,5 lần cùng kỳ năm 2010; thuỷ sản đạt 2,1 tỉ USD, tăng 27,3%; lâm sản đạt 1,6 tỉ USD, tăng 19,1%. Tính đến tháng 5 xuất khẩu tất cả các mặt hàng nông lâm thuỷ sản đều thể hiện xu hướng tăng trưởng khá do giá cả của phần lớn các mặt hàng đều tăng so với năm 2010.

Cụ thể một số mặt hàng chính như sau:

+ **Gạo**: Ước tháng 5 xuất khẩu 750 ngàn tấn, kim ngạch đạt 360 triệu USD, đưa tổng lượng gạo xuất khẩu 5 tháng đầu năm xấp xỉ 3,5 triệu tấn, kim ngạch đạt 1,7 tỉ USD, so cùng kì năm trước giảm 18,6% về lượng và 13,3% về giá trị. Giá gạo xuất khẩu tiếp tục giảm (-5,9%) so với tháng trước, giá bình quân 4 tháng đạt 493USD/Tấn, giảm 7,3% so với cùng kỳ năm 2010. Inđônêxia tiếp tục nhập gạo của Việt Nam với khối lượng lớn, chiếm tỷ trọng 25,5% tổng giá trị xuất khẩu gạo. Hai thị trường tiếp theo là Cuba và Malaixia cũng tăng trưởng mạnh tương ứng gấp 2,5 và 1,4 lần về giá trị so với cùng kỳ năm 2010. Hồng Kông cũng là điểm sáng trong xuất khẩu gạo của Việt Nam, thị trường này tăng 58,6% về lượng và tới 90% về gía trị. Riêng thị trường truyền thống Philippin do có sự thay đổi trong chính sách nhập khẩu nên tạm thời giảm mạnh, giá trị xuất khẩu chỉ bằng 12,2% cùng kỳ năm ngoái.

+ **Cà phê:** Ước xuất khẩu tháng 5 đạt 113 ngàn tấn với trị giá 270 triệu USD. Với ước tính này, tổng lượng cà phê xuất khẩu 5 tháng đạt 811 ngàn tấn với giá trị kim ngạch xấp xỉ 1,8 tỉ USD, tăng 43,8% về lượng và gấp 2,3 lần về giá trị. Giá cà phê xuất khẩu tiếp tục tăng mạnh. Giá xuất khẩu bình quân 4 tháng đang ở mức 2.150 USD/tấn gấp 1,6 lần so với cùng kỳ năm 2010. Mặc dù giá cả tăng cao nhưng hầu hết các thị trường đều tăng mạnh về giá trị gấp từ 2 - 6 lần so với cùng kỳ năm ngoái, điển hình như Bỉ là thị trường đứng đầu, gấp 4 lần về lượng và 6 lần về giá trị.

+ **Cao su**: Khối lượng cao su xuất khẩu tháng 5 ước đạt 30 ngàn tấn thu về 131 triệu USD. Tổng khối lượng cao su xuất khẩu 5 tháng đầu năm ước đạt 230 ngàn tấn với trị giá 1 tỉ USD; chỉ tăng 26,3% về lượng nhưng giá trị thu về gần gấp 2 lần so với cùng kỳ năm 2010. Giá cao su tăng liên tục kể từ giữa năm 2009 đến nay, giá cao su XK bình quân 4 tháng đã gấp 1,6 lần so với cùng kỳ năm ngoái đạt 4.383 USD/tấn. Nhu cầu tiêu thụ của thế giới có xu hướng tăng, mặc cho Trung Quốc đưa ra các biện pháp để hạn chế nhập khẩu cao su theo đường tiểu ngạch, nước này tiếp tục là thị trường tiêu thụ cao su hàng đầu của Việt Nam.

+ **Chè:** Ước xuất khẩu tháng 5 đạt 8 ngàn tấn với kim ngạch đạt 12 triệu USD đưa tổng lượng chè xuất khẩu 5 tháng đầu năm ước đạt 41 ngàn tấn, kim ngạch đạt 59 triệu USD, giảm 7,4% về lượng và 1,5% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Giá chè XK bình quân 4 tháng đạt 1.436 USD/tấn tăng 5,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài Pakixtan và Inđônêxia có sự tăng trưởng mạnh trong tiêu thụ mặt hàng này, các thị trường khác đều sụt giảm.

+ **Hạt điều**: Tháng 5, xuất khẩu ước đạt 13 ngàn tấn thu về 100 triệu USD. Tổng khối lượng điều xuất khẩu 5 tháng đầu năm ở mức 53 ngàn tấn với trị giá 393 triệu USD, giảm 13,5% về lượng nhưng kim ngạch vẫn tăng 21% so với cùng kỳ năm 2010. Cùng đà tăng giá của nhiều mặt hàng nông sản, giá điều XK bình quân 4 tháng đã đạt 7.289 USD/tấn tăng 39,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Khối lượng xuất khẩu sang phần lớn các thị trường đều có xu hướng giảm.

+ **Tiêu**: Xuất khẩu tháng 5 ước đạt 15 ngàn tấn, kim ngạch đạt 82 triệu USD đưa khối lượng tiêu xuất khẩu 5 tháng lên 56 ngàn tấn với giá trị xuất khẩu 293 triệu USD, giảm 5,5% về lượng nhưng giá trị vẫn tăng tới 58,9% so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu bình quân 4 tháng đạt 5.114 USD/tấn

tăng 67,9% so với cùng kỳ năm 2010. Tăng trưởng xuất khẩu tiêu được thấy ở hầu hết các thị trường tiêu thụ lớn, Việt Nam tiếp tục duy trì được vị trí là nước xuất khẩu tiêu hàng đầu.

+ Lâm sản và đồ gỗ: Tháng 5, xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính và đồ gỗ ước đạt 350 triệu USD đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 5 tháng đầu năm ước xấp xỉ 1,6 tỉ USD, tăng 19,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt xấp xỉ 1,5 tỉ USD, tăng 20,3%; sản phẩm mây tre, cói thảm ước đạt 83 triệu USD tương đương cùng kỳ năm trước. Các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lại gặp phải tình trạng thiếu nguyên liệu.

+ Thuỷ sản: xuất khẩu thuỷ sản tháng 5 tiếp tục tăng, ước đạt 460 triệu USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu thuỷ sản 5 tháng lên gần 2,1 tỷ USD, tăng 27,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Xuất khẩu tăng trưởng ổn định, các thị trường hàng đầu như Nhật Bản mặc dù gặp nhiều khó khăn do thiên tai nhưng vẫn tăng 6%, Hoa Kỳ tăng 48,9%, Hàn Quốc tăng 29,5%, thị trường EU duy trì sức tiêu thụ khá. Tuy nhiên, với mặt bằng lãi suất cao như hiện nay kèm theo tình trạng thiếu nhiên liệu còn tiếp diễn thì các doanh nghiệp xuất khẩu thuỷ sản còn nhiều khó khăn.

4.2. Nhập khẩu vật tư, phân bón

Tổng giá trị nhập khẩu của các mặt hàng nông, lâm, thuỷ sản và vật tư, nguyên liệu phục vụ nông, lâm, thuỷ sản tháng 5 ước đạt 1,2 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu nhóm hàng này lên gần 6 tỷ USD, tăng so với cùng kỳ năm 2010 là 9,9%. Nguồn nhập khẩu các loại vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) chủ yếu từ Trung Quốc thường chiếm từ 30 – 40% giá trị nhập khẩu.
Cụ thể một số mặt hàng chính như sau:

+ Phân bón: Lượng phân bón các loại nhập khẩu trong tháng 5 ước đạt 282 ngàn tấn, trong đó; Ure là 73 ngàn tấn, SA – 63 ngàn tấn, DAP – 19 ngàn tấn, NPK – 19 ngàn tấn và các loại khác – 108 ngàn tấn. Tính đến hết tháng 5, lượng phân bón nhập khẩu ước đạt 1,5 triệu tấn với trị giá nhập khẩu 552 triệu USD, tăng 18,4% về lượng và 39% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Trung Quốc vẫn là nguồn nhập khẩu phân bón lớn nhất chiếm 34,2% giá trị. Ngoài Trung Quốc, nhiều nguồn khác cũng tăng mạnh như Philippin tăng 63,5% và Canađa tăng 55,3%.

+ **Thuốc trừ sâu và nguyên liệu**: Ước nhập khẩu tháng 5 đạt 60 triệu USD, đưa tổng nhập khẩu 5 tháng đầu năm ước đạt 268 triệu USD, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm 2010.

+ **Gỗ và sản phẩm gỗ**: Giá trị gỗ và sản phẩm từ gỗ nhập khẩu tháng 5 ước đạt 110 triệu USD đưa tổng kim ngạch nhập khẩu 5 tháng đầu năm lên 477 triệu USD, tăng 20,2% so cùng kỳ năm trước.

+ **Thức ăn gia súc và nguyên liệu**: Ước kim ngạch nhập khẩu tháng 5 đạt 160 triệu USD. Tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong 5 tháng đầu năm ước đạt 924 triệu USD giảm nhẹ (-1,4%) so với cùng kỳ năm trước.

+ **Cao su:** Ước nhập khẩu tháng 5 đạt 26 ngàn tấn, kim ngạch 68 triệu USD. Trong 5 tháng đầu năm cả nước nhập khẩu 135 ngàn tấn với kim ngạch 345 triệu USD, so cùng kỳ năm trước tăng 12,2% về lượng và tới 40,1% về giá trị.

+ **Lúa mì**: Ước lượng lúa mì nhập khẩu tháng 5 với 215 ngàn tấn với trị giá kim ngạch là 75 triệu USD. Tổng lượng nhập khẩu 5 tháng đạt 1 triệu tấn với trị giá 338 triệu USD, xấp xỉ về lượng và tăng 40,6% giá trị so với cùng kỳ năm trước.

+ **Bông**: Ước nhập khẩu tháng 5 đạt 30 ngàn tấn với giá trị 97 triệu USD, sau 5 tháng đã nhập khẩu 162 ngàn tấn bông với số tiền bỏ ra là 524 triệu USD, xấp xỉ về khối lượng nhưng gấp gần 2 lần về giá trị so với cùng kỳ năm 2010.

5. THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý tính đến hết tháng 5/2011 ước đạt 3.285,7 tỷ đồng, bằng 45,81% kế hoạch vốn được giao. Trong đó:

- Vốn ngân sách tập trung ước đạt 1.710,7 tỷ đồng, bằng 46,58% kế hoạch;
- Vốn trái phiếu Chính phủ ước đạt 1.575 tỷ đồng, bằng 45% kế hoạch.

5.1 Vốn ngân sách tập trung do Bộ quản lý

5.1.1. Phân bổ vốn đầu tư

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc nguồn ngân sách tập trung được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2145/QĐ - TTg ngày 23/11/2010 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2011, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 288/QĐ - BKH ngày 24/11/2010 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước năm 2011.

Tổng vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách tập trung năm 2011 được Chính phủ giao: 3.672.300 triệu đồng, bao gồm: 1.519.300 triệu đồng vốn trong nước, 2.153.000 triệu đồng vốn nước ngoài.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai kế hoạch và thông báo vốn cho các chủ đầu tư theo đúng chỉ tiêu và cơ cấu vốn được Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan giao tại văn bản số 4380/BNN- KH ngày 31/12/2010;

5.1.2.Kết quả thực hiện

Tổng hợp báo cáo của các chủ đầu tư, khối lượng thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản và giải ngân vốn ngân sách tập trung do Bộ quản lý thực hiện tính đến hết tháng 5/2011 ước đạt 1.710,7 tỷ đồng, bằng 46,58% kế hoạch năm. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

- *Vốn thực hiện đầu tư:* Ước đạt 1.656 tỷ đồng bằng 50,56% kế hoạch năm.

+ Đầu tư Thuỷ lợi: Ước đạt 1.131 tỷ đồng, bằng 59,92 % kế hoạch năm;

+ Đầu tư Nông nghiệp: Ước đạt 363,36 tỷ đồng, bằng 51,83 % kế hoạch năm;

+ Đầu tư Lâm nghiệp: Ước đạt 61,59 tỷ đồng, bằng 21,54% kế hoạch năm;

+ Đầu tư Thuỷ sản: Ước đạt 8,1 tỷ đồng, bằng 39,65% kế hoạch năm;

+ Chương trình trọng điểm PT&ứng dụng CNSH: Ước đạt 14,5 tỷ đồng, bằng 48,33% kế hoạch năm;

+ Khối Khoa học - Công nghệ: Ước đạt 25,75 tỷ đồng, bằng 42,92% KH;

+ Khối Giáo dục - Đào tạo: Ước đạt 24,96 tỷ đồng, bằng 27,74% KH năm; và

+ Các ngành khác: Ước đạt 41,29 tỷ đồng, bằng 20,62% kế hoạch năm.

- *Vốn thực hiện theo các mục tiêu nhiệm vụ cụ thể*: Ước đạt 44,12 tỷ đồng bằng 15,32% kế hoạch năm.

- *Vốn chuẩn bị đầu tư*: Ước đạt 10,5 tỷ đồng, bằng 27,63% kế hoạch năm.

Chi tiết về tình hình thực hiện một số dự án thuộc các lĩnh vực nêu trên như sau:

- *Khối Thủy lợi:*
  - Dự án Hỗ trợ thủy lợi - WB3: Khối lượng thực hiện 5 tháng ước đạt 295 tỷ đồng, bằng 67,7% so với kế hoạch; Đối với các Tiểu dự án đã cơ bản hoàn thành các chủ đầu tư đang tổ chức nghiệm thu bàn giao, đồng thời tiếp tục thúc đẩy tiến độ thi công các công trình đang dở dang trước mùa lũ;
  - Dự án Quản lý rủi ro thiên tai - WB4: Khối lượng thực hiện 5 tháng ước đạt 59,6 tỷ đồng, bằng 57% kế hoạch. Một số Tiểu dự án bị chậm tiến độ của năm 2010 đang được khẩn trương thi công xây lắp các gói thầu đã được phê duyệt: Cảng trú bão Cửa Gianh, Cảng trú bão Phú Hải, Cảng trú bão Mỹ Á, Đê biển Phúc Long Nhượng;
  - Dự án Thủy lợi các tỉnh miền Trung - ADB4: Khối lượng thực hiện 5 tháng ước đạt 97 tỷ đồng, bằng 49,6% kế hoạch;
  - Dự án thủy lợi Phước Hòa: Khối lượng thực hiện 5 tháng ước đạt 198 tỷ đồng, bằng 33,6% kế hoạch; Bộ NN - PTNT đã có văn bản yêu cầu các tỉnh trong vùng dự án cần thúc đẩy tiến độ bàn giao mặt bằng thi công cho các nhà thầu.

- *Khối Nông nghiệp:*
  - Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai (vay vốn ADB): Khối lượng thực hiện ước đạt 88,49 tỷ đồng, trong đó vốn trong nước đạt 13,28 tỷ đồng, vốn ngoài nước đạt 75,21 tỷ đồng;
  - Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung (vay vốn WB): Khối lượng thực hiện ước đạt 264,86 tỷ đồng, trong đó vốn trong nước đạt 132,43 tỷ đồng, vốn ngoài nước đạt 132,43 tỷ đồng;
  - Dự án Phát triển cạnh tranh nông nghiệp (vay vốn WB): Đã trình, phê duyệt các hợp đồng tư vấn, các hợp đồng mua sắm thiết bị và rút vốn tạm ứng cho các nhà thầu.

- *Khối Lâm nghiệp:*

- Dự án Phát triển ngành lâm nghiệp tại các tỉnh miền Trung (WB3): Khối lượng thực hiện 5 tháng ước đạt 20,76 tỷ đồng. Trong đó, vốn trong nước đạt 0,33 tỷ đồng và vốn ngoài nước đạt 20,43 tỷ đồng. Chủ đầu tư đang khẩn trương tổng hợp các đơn vị cung cấp cây giống cho kế hoạch trồng rừng năm 2011, hoàn thiện và đề xuất mô hình cung cấp dịch vụ khuyến lâm trình nhà tài trợ phê duyệt;
- Dự án Phát triển lâm nghiệp và cải thiện đời sống vùng Tây Nguyên (FLITCH): Khối lượng thực hiện 5 tháng ước đạt 31,96 tỷ đồng, trong đó vốn trong nước đạt 8,98 tỷ đồng, vốn ngoài nước đạt 22,98 tỷ đồng. Ban quản lý dự án đã tổ chức nghiệm thu phúc tra rừng trồng năm 2010, tiếp tục thúc đẩy các bước chuẩn bị cho việc trồng rừng năm 2011, hoàn thành việc khảo sát và thiết kế một số công trình cơ sở hạ tầng của dự án;
- Dự án Phát triển lâm nghiệp tại Sơn La, Hòa Bình (KFW7): Khối lượng thực hiện 5 tháng ước đạt 11 tỷ đồng, chủ đầu tư tiếp tục tập trung vào các hoạt đọng chuẩn bị hiện trường cho vụ trồng rừng năm 2011. Tuy nhiên, do thiếu vốn đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương nên gây khó khăn cho việc thúc đẩy tiến độ thực hiện.

5.2. Các công trình thuộc nguồn vốn trái phiếu Chính phủ

5.2.1. Phân bổ vốn

Vốn trái phiếu Chính phủ thuộc khung kế hoạch năm 2011 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý được Thủ tướng Chính phủ giao tại quyết định số 184/QĐ- TTg ngày 28/1/2011 về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2011 và văn bản số 618/BKHĐT- TH ngày 28/1/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2011. Tổng vốn kế hoạch năm 2011 được Chính phủ giao: 3.500 tỷ đồng, trong đó:

- Các dự án có trong quyết định số 171/2006/QĐ- TTg: 2.671,1 tỷ đồng;
- Các dự án cấp bách bổ sung: 398 tỷ đồng;
- Các dự án thủy lợi ĐBSH: 430,9 tỷ đồng.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiến hành phân bổ và thông báo vốn thuộc khung kế hoạch năm 2011 cho các chủ đầu tư ngay từ đầu tháng 2/2011.

5.2.2. Kết quả thực hiện

Khối lượng thực hiện của các công trình sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ 5 tháng năm 2011 ước đạt 1.575tỷ đồng, bằng 45% kế hoạch năm. Trong đó:

- Khối lượng thực hiện các dự án trong quyết định 171: Ước đạt 1180 tỷ đồng, bằng 44,18% kế hoạch;
- Khối lượng thực hiện của các dự án cấp bách bổ sung: Ước đạt 185 tỷ đồng, bằng 46,48% kế hoạch;
- Khối lượng thực hiện các dự án ĐBSH: Ước đạt 210 tỷ đồng, bằng 48,74% kế hoạch.

6. HIỆN TRẠNG THỐNG KÊ HÀNG THÁNG

Tháng 5, có 61/63 Sở Nông nghiệp và PTNT gửi báo cáo về Trung tâm đúng hạn, có 2 tỉnh không gửi báo cáo về trung tâm là Bắc Ninh, Kon Tum. Tuy nhiên, mới chỉ có 41 tỉnh thực hiện biểu mẫu đúng quy định trong Chế độ báo cáo thống kê áp dụng cho các Sở NN & PTNT ban hành kèm theo Quyết định số 3201/QĐ-BNN-KH ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, còn lại 22 tỉnh vẫn chưa áp dụng.

Để đáp ứng yêu cầu tổng hợp số liệu, cung cấp thông tin phân tích dự báo tình hình sản xuất phục vụ công tác điều hành, quản lý của Bộ và của ngành, đề nghị các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ và các địa phương chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định.

Nơi nhận
- Lãnh đạo Bộ
- Vụ Kế hoạch
-Phát hành trên cổng thông tin Mard.gov.vn
- Lãnh đạo Trung tâm
- Lưu VT, TK(2), Dự báo

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Viết Chiến